

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 70 /2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm
2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quyết định này quy định quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Quyết định này không điều chỉnh loại hình vận chuyển khách du lịch tham quan trên địa bàn Thừa Thiên Huế bằng hình thức vận chuyển như xe buýt, xe đưa đón cán bộ, nhân viên do doanh nghiệp tự tổ chức.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã có đăng ký kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp xe buýt).
- Các tổ chức, cơ quan nhà nước được pháp luật quy định quản lý nhà nước trong các lĩnh vực giao thông đường bộ.
- Các doanh nghiệp có liên quan đến xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng.
- Đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, tổng hợp, phân tích và lưu trữ dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình, camera của xe ô tô theo hợp đồng đã ký kết với doanh nghiệp xe buýt (sau đây gọi tắt là đơn vị cung cấp thiết bị giám sát).
- Lái xe và nhân viên phục vụ (nhân viên bán vé) trên phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.
- Hành khách đi trên phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt là hoạt động vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định có các điểm dừng đón, trả khách, theo biểu đồ chạy xe phù hợp quyết định phê duyệt mạng lưới tuyến của Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi là mạng lưới tuyến).

2. Tuyến xe buýt là tuyến vận tải hành khách cố định bằng ô tô, có điểm đầu, điểm cuối và các điểm dừng đón, trả khách theo quy định.

a) Tuyến xe buýt nội thị là tuyến xe buýt có điểm đầu, điểm cuối tuyến trong đô thị.

b) Tuyến xe buýt nội tỉnh là tuyến xe buýt hoạt động trong phạm vi tỉnh, kết nối các thành phố, thị xã, huyện, khu công nghiệp, khu du lịch, khu di tích.

c) Tuyến xe buýt liên kê là tuyến xe buýt có lộ trình đi từ tỉnh Thừa Thiên Huế đến tỉnh liên kê (điểm đầu, điểm cuối và lộ trình của một tuyến không vượt quá 2 tỉnh).

3. Xe buýt là xe ô tô chở hành khách thỏa mãn quy định tại điểm c Điều 5 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

4. Điểm đầu, điểm cuối của tuyến xe buýt là nơi bắt đầu, kết thúc của một hành trình xe chạy trên một tuyến (một lượt).

5. Kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, bao gồm nhà ga hành khách, đầu mối (trạm) trung chuyển xe buýt theo mạng lưới tuyến, làn đường xe buýt hoạt động, đường dành riêng, đường ưu tiên cho xe buýt, điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng, nhà chờ xe buýt, biển báo và các vạch dừng xe buýt tại các điểm dừng, bãi đỗ dành cho xe buýt và các công trình phụ trợ khác phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

6. Biểu đồ chạy xe buýt là tổng hợp hành trình và thời gian biểu chạy xe của các chuyến xe trong một chu kỳ thời gian nhất định.

7. Người khuyết tật là những người bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, làm suy giảm khả năng hoạt động, khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp nhiều khó khăn.

8. Lệnh vận chuyển là chứng từ để ghi chép hành trình, lịch trình chạy xe theo từng chuyến.

9. Đại lý bán vé xe buýt là các tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh theo quy định, được doanh nghiệp kinh doanh xe buýt hợp đồng làm đại lý bán vé cho hành khách.

10. Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền là Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các địa phương được Ủy ban nhân tỉnh ủy quyền quản lý.

11. Cơ quan quản lý tuyến là Sở Giao thông vận tải.

12. Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế là Trung tâm được xây dựng trên cơ sở ứng dụng hệ thống giao thông thông minh để quản lý, điều hành toàn bộ hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông (đèn tín hiệu, điểm dừng đỗ công cộng,...) và phương tiện vận chuyển hành khách công cộng thông qua việc kết nối với dữ liệu phần mềm tại các trung tâm, tuyến đường, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị vận tải và người dân trên địa bàn Thừa Thiên Huế.

Chương II

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 4. Quản lý kinh doanh vận tải bằng xe buýt

Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 12; điểm a, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP; Điều 29, khoản 6 Điều 30, Điều 33 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

Điều 5. Hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng và nhà chờ xe buýt theo quy định tại Điều 30 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 05 năm 2020 của Bộ Giao thông vận tải và được thể hiện trên nền GIS Hue để quản lý và thông tin cho hành khách đi xe buýt. Phải lắp đặt các thiết bị để hiển thị thông tin cho hành khách, camera để giám sát hoạt động.

2. Vạch dừng xe buýt theo quy định tại Điều 52 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016/BGTVT” phần vạch số 9.2.

3. Điểm trung chuyển là một điểm dừng xe buýt, được đặt tại nơi giao nhau của nhiều tuyến xe buýt hoặc tại những nơi đầu mối giao thông vận tải, có thể được thiết kế làn riêng với nhiều khu nhà chờ lớn. Mỗi khu được trang bị ghế ngồi cho nhiều hành khách và hệ thống thông tin tổng hợp gồm bản đồ mạng lưới tuyến, các tuyến đi, đến, thời gian biểu chạy xe và tần suất chạy xe.

4. Hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải xây dựng lối lên xuống thuận tiện cho người khuyết tật sử dụng xe lăn và có vị trí dành riêng cho người khuyết tật sử dụng xe lăn đậu chờ xe buýt.

5. Việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

6. Bảo dưỡng, sửa chữa hạ tầng

a) Được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách hoặc xã hội hóa.

b) Trường hợp điểm dừng, nhà chờ, biển báo trên tuyến xe buýt bị sự cố (gãy đổ, bảng trụ bị xô lệch hoặc thiếu mất thông tin), cơ quan quản lý tuyến phải có biện pháp khắc phục kịp thời.

c) Việc di dời điểm dừng, nhà chờ xe buýt chỉ được thực hiện trong trường hợp để sửa chữa, mở rộng đường giao thông hoặc có sự thay đổi về tổ chức giao thông, sự thay đổi về lộ trình hoạt động của tuyến xe buýt làm cho điểm dừng, nhà chờ xe buýt bị mất tác dụng hoặc khi có kiến nghị hợp lý của tổ chức, cá nhân liên quan.

7. Việc quảng cáo tại các nhà chờ xe buýt phải thực hiện theo quy định của Luật quảng cáo; chỉ được thực hiện quảng cáo sau khi có văn bản đồng ý, hướng dẫn của Sở Văn hóa và Thể thao.

8. Cơ quan quản lý tuyến có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng liên quan để đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh cho các kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 6. Thời gian hoạt động xe buýt

Thời gian hoạt động trong ngày của từng tuyến xe buýt được quy định trong biểu đồ chạy xe, đảm bảo tối thiểu 12 (mười hai) giờ/ngày.

Điều 7. Phương tiện vận chuyên, tần suất chạy xe.

1. Phương tiện vận chuyên

a) Xe hoạt động trên tuyến phải là xe ô tô buýt thành phố thỏa mãn QCVN 10:2015/BGTVT, ưu tiên đầu tư xe buýt sử dụng nhiên liệu sạch; phải dành 02 (hai) hàng ghế cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và phụ nữ có thai, có màu riêng, trên đó có ghi chữ “ghế dành riêng” hoặc biểu tượng. Doanh nghiệp vận tải căn cứ vào biểu đồ chạy xe để bố trí đúng loại xe, số lượng xe chạy trên tuyến, có xe dự phòng. Đối với các tuyến xe buýt liên kết có chiều dài từ 100 (một trăm) km trở lên, cho phép sử dụng xe khách không bố trí chỗ đứng.

b) Màu sơn của xe buýt do doanh nghiệp vận tải đăng ký với Sở Giao thông vận tải.

c) Đối với xe buýt phục vụ người khuyết tật phải bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật riêng theo quy định pháp luật.

d) Xe buýt phải được kiểm tra bảo đảm an toàn kỹ thuật, vệ sinh, thẩm mỹ hàng ngày trước khi đưa vào hoạt động.

đ) Xe buýt phải đảm bảo lắp đặt thiết bị giám sát hành trình theo quy định. Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe buýt phải lắp camera giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP. Dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình, camera phải được chia sẻ về máy chủ của Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế.

e) Khuyến khích lắp đặt một số thiết bị điện tử công suất nhỏ nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành và phục vụ hành khách.

g) Việc quảng cáo trên xe buýt (bên trong lẫn bên ngoài thành xe buýt) thực hiện theo quy định của Luật quảng cáo và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tần suất xe chạy

Tần suất xe chạy đối với các tuyến xe buýt không được vượt quá 30 (ba mươi) phút/lượt xe xuất bến; trong trường hợp đặc biệt, nếu tần suất vượt quá quy định phải được sự chấp thuận của Sở Giao thông vận tải.

Điều 8. Vé xe buýt

1. Có hai loại vé: vé lượt và vé tháng.

a) Vé lượt là chứng từ để hành khách sử dụng đi một lượt trên một tuyến xe buýt.

b) Vé tháng là chứng từ để hành khách sử dụng đi lại thường xuyên trong một thời gian một tháng hoặc dài hơn, trên một hoặc nhiều tuyến xe buýt do cùng một đơn vị khai thác.

2. Ngoài các loại vé nêu trên, Doanh nghiệp xe buýt quyết định các loại vé cho các đối tượng ưu tiên với giá vé thấp hơn hoặc miễn phí.

3. Vé lượt và vé tháng do các doanh nghiệp vận tải tự in ấn, quản lý và phát hành theo quy định chung về hóa đơn bán hàng hóa cung ứng dịch vụ.

4. Giá vé trên các tuyến xe buýt không trợ giá do doanh nghiệp vận tải kê khai và niêm yết theo đúng quy định của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

5. Khuyến khích áp dụng vé thông minh (vé điện tử) thay cho vé giấy.

6. Doanh nghiệp xe buýt tự tổ chức hoạt động bán vé xe buýt hoặc thông qua các Đại lý bán vé xe buýt.

Điều 9. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt

1. Lái xe buýt

a) Có Giấy phép lái xe phù hợp với loại xe điều khiển.

b) Đã hoàn thành lớp tập huấn nghiệp vụ vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải và được cấp thẻ nhận dạng theo quy định tại điểm c, khoản 3 Điều 34 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

c) Thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của người lái xe theo quy định tại Điều 36 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

2. Nhân viên phục vụ trên xe buýt

a) Đã hoàn thành lớp tập huấn về nghiệp vụ vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

b) Thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của nhân viên phục vụ trên xe theo quy định tại Điều 36 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

Điều 10. Xây dựng phần mềm ứng dụng xe buýt

Trước **30 tháng 6 năm 2021**, Doanh nghiệp xe buýt phải có trách nhiệm xây dựng phần mềm ứng dụng xe buýt để thuận tiện cho việc tra cứu thông tin của người dân. Ứng dụng xe buýt có cơ sở dữ liệu là thông tin trên các thiết bị giám sát hành trình và camera lắp trên xe buýt.

Thông tin từ thiết bị giám sát hành trình và camera phải được truyền đồng thời về máy chủ của Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh của tỉnh Thừa Thiên Huế và Trung tâm quản lý điều hành giao thông công cộng Sở Giao thông vận tải.

Điều 11. Mạng lưới tuyến xe buýt tỉnh Thừa Thiên Huế

Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định phê duyệt mạng lưới tuyến xe buýt trên địa bàn Thừa Thiên Huế theo đề xuất của Sở Giao thông vận tải, bao gồm việc bổ sung tuyến mới, hủy bỏ tuyến đã có; lộ trình hủy bỏ tuyến cố định nội tỉnh và lộ trình chuyển đổi tuyến cố định nội tỉnh thành tuyến xe buýt nội tỉnh, vị trí các điểm dừng và nhà chờ xe buýt.

Mục 2

HỖ TRỢ TÀI CHÍNH CỦA NHÀ NƯỚC CHO HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT

Điều 12. Trợ giá của Nhà nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc trợ giá hoạt động xe buýt thông qua hình thức đấu thầu. Nhà thầu nào đảm bảo các tiêu chí về kỹ thuật, dịch vụ được quy định trong Hồ sơ mời thầu, có mức trợ giá đề nghị thấp nhất là nhà thầu trúng thầu.

Trường hợp đặc biệt, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mở mới tuyến xe buýt có trợ giá thông qua hình thức đặt hàng trong thời gian nhất định vì mục đích chính trị, xã hội và an ninh, quốc phòng. Việc đặt hàng khai khác các tuyến xe buýt chỉ thực hiện khi đáp ứng các quy định tại Điều 12 của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Trường hợp không đáp ứng các quy định tại Điều 12 của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ thì thực hiện phương thức đấu thầu.

2. Nguồn kinh phí thực hiện trợ giá cho hoạt động xe buýt: Ngân sách nhà nước.

Điều 13. Hỗ trợ của Nhà nước về kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện cho doanh nghiệp xe buýt sử dụng, quản lý và khai thác các khu đất tại các địa phương để làm điểm đầu, cuối tuyến, điểm dừng, điểm trung chuyển hành khách đi xe buýt và bãi đỗ xe buýt.

2. Ngân sách nhà nước đầu tư hệ thống biển báo điểm dừng và phần khung xương của nhà chờ.

3. Nhà nước đấu thầu việc sử dụng nhà chờ vào mục đích quảng cáo.

Mục 3

QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP XE BUÝT VÀ CỦA HÀNH KHÁCH ĐI XE BUÝT

Điều 14. Quyền hạn và trách nhiệm của doanh nghiệp xe buýt

Được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 15. Quyền hạn và trách nhiệm của hành khách đi xe buýt

Được thực hiện theo quy định tại Điều 37 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành, địa phương

1. Sở Giao thông vận tải

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các nội dung sau:

- Mô hình tổ chức hoạt động xe buýt.
- Quy định phát triển mạng lưới tuyến xe buýt, hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.
- Các chính sách ưu đãi trong hoạt động xe buýt.
- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu khai thác các tuyến xe buýt trong mạng lưới xe buýt của tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
- Quyết định đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định của pháp luật.
- Quyết định dừng hoạt động đối với các tuyến xe buýt trợ giá không hiệu quả và không theo quy định.

b) Trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ sau

- Ký hợp đồng cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt với các doanh nghiệp vận tải khai thác tuyến xe buýt; tổ chức kiểm tra việc thực hiện hợp đồng và thực hiện những thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ.
- Nghiệm thu khối lượng vận chuyển bằng xe buýt (quãng đường hoặc số lượt khách tham gia) thông qua thiết bị giám sát hành trình để thanh quyết toán trợ giá đối với các tuyến xe buýt có trợ giá và xét duyệt quyết toán kinh phí trợ giá xe buýt.
- Giám sát chất lượng hoạt động vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt đối với doanh nghiệp vận tải. Định kỳ hàng năm và đột xuất, tiến hành kiểm tra việc cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp vận tải khi tham gia vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- Quyết định điều chỉnh các thông số liên quan đến tuyến xe buýt trong các trường hợp sau đây: Thay đổi tạm thời lộ trình hoạt động của từng tuyến trong thời gian sửa chữa cầu, đường giao thông, tiến hành thử nghiệm phân luồng giao thông; thay đổi thời gian hoạt động trong ngày của tuyến xe buýt cho phù hợp với nhu cầu đi lại; tăng giảm chuyến xe theo nhu cầu đi lại trong những ngày lễ, tết, các ngày khai giảng, thi tuyển các cấp.

- Thống kê, báo cáo kết quả thực hiện vận chuyển hành khách công cộng theo định kỳ.

- Phối hợp với đơn vị liên quan (nếu có) để tổ chức thực hiện đảm bảo vệ sinh môi trường tại các điểm đầu, điểm cuối tuyến, điểm dừng, nhà chờ, điểm trung chuyển, bãi đỗ xe phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh của đơn vị taxi, xe buýt trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và tại Quy định này.

- Đầu tư hạ tầng xe buýt ngoài phạm vi thành phố Huế.

2. Sở Tài chính

Sở Tài chính là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về tài chính cho hoạt động xe buýt, ngoài các nhiệm vụ và quyền hạn đã được phân công, Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Thẩm định quyết toán kinh phí trợ giá xe buýt.

b) Có ý kiến tham gia với Sở Giao thông vận tải về giá gói thầu trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sử dụng các nguồn vốn nhằm phục vụ cho hoạt động xe buýt, xe taxi, theo quy định.

d) Cân đối ngân sách địa phương, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đủ kinh phí thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong dự toán ngân sách hàng năm.

đ) Thực hiện trình tự, thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 8 Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân thực hiện vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

e) Thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

g) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tham mưu UBND tỉnh trong việc xúc tiến kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước nghiên cứu đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng xe buýt, đầu tư phương tiện (xe buýt nhanh, xe buýt sử dụng nhiên liệu sạch...).

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giao thông Vận tải cân đối, tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách để thực hiện các dự án đã được phê duyệt theo danh mục kế hoạch trung hạn của tỉnh.

c) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện quy định về đấu thầu áp dụng cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Xây dựng

Chỉ đạo xây dựng, phê duyệt quy hoạch chi tiết các đô thị có xem xét đến quy hoạch vị trí các điểm đầu, điểm cuối, trạm trung chuyển, nhà chờ, bãi đỗ, điều kiện hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với Ban An toàn giao thông tỉnh và Sở Giao thông vận tải, các đơn vị liên quan đẩy mạnh việc tuyên truyền lợi ích của việc sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng, tạo sự đồng nhất trong cộng đồng dân cư đối với việc sử dụng các phương tiện này, góp phần hạn chế phương tiện cá nhân tham gia giao thông và giảm thiểu tai nạn giao thông.

b) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong việc triển khai các dịch vụ giao thông thông minh trên môi trường mạng Internet, mạng viễn thông.

c) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao hướng dẫn và quản lý việc tổ chức quảng cáo trên phương tiện và tại các khu vực bến bãi, nhà chờ, biển báo.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo các trường học tổ chức việc đưa đón học sinh, sinh viên bằng xe buýt. Tuyên truyền, khuyến khích học sinh, sinh viên sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt khi đi học và các chuyến đi khác.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quá trình thẩm định quy hoạch sử dụng đất cấp huyện cần xem xét việc bố trí quỹ đất xây dựng nhà điều hành, trạm sửa chữa bảo dưỡng, bãi đỗ xe, điểm trung chuyển, điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng đỗ của xe buýt, xe taxi.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã và thành phố Huế hướng dẫn doanh nghiệp vận tải, chủ dự án lập thủ tục giao đất hoặc cho thuê đất để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ xe buýt, xe taxi.

c) Hướng dẫn, kiểm tra thực thi các quy định của pháp luật liên quan đến quản lý sử dụng đất đai phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, xe taxi.

8. Sở Du lịch

a) Thường xuyên mở lớp Tập huấn nghiệp vụ du lịch cho đội ngũ lái xe và nhân viên phục vụ cho đơn vị có nhu cầu.

b) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao hướng dẫn và quản lý việc tổ chức quảng cáo trên phương tiện và tại các khu vực bến bãi, nhà chờ, biển báo.

9. Sở Văn hóa và Thể thao

Hướng dẫn các doanh nghiệp kinh doanh vận tải bằng xe ô tô thi hành Luật Quảng cáo và các quy định khác của pháp luật liên quan đến quảng cáo trên xe ô tô và các vị trí hạ tầng phục vụ.

10. Công an tỉnh

a) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải kiểm tra, xử lý doanh nghiệp vận tải và lái xe vi phạm các quy định về Luật Giao thông đường bộ, các quy định của pháp luật về kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và Quy định này theo đúng thẩm quyền.

b) Phối hợp với Sở, ngành và các đơn vị liên quan trong công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp vận tải thực hiện các quy định về phòng chống cháy nổ tại trụ sở và tại các điểm đỗ, bãi đỗ xe của đơn vị.

11. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với các ngành liên quan xử lý những vấn đề liên quan đến người lao động tại các doanh nghiệp xe buýt.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế

a) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Quy định này đến mọi tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng buýt.

b) Căn cứ tình hình thực tế đảm bảo an toàn giao thông tại địa phương, thống nhất với Sở Giao thông vận tải các điểm để lắp đặt các biển báo cho phép xe buýt dừng đỗ.

c) Đầu tư hạ tầng hoạt động xe buýt trong địa bàn thành phố Huế (đối với Ủy ban nhân dân thành phố Huế).

Điều 17. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh những vấn đề mới, có những điều khoản chưa phù hợp với thực tế hoặc văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên có thay đổi thì các ngành, địa phương, tổ chức và cá nhân phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo tham mưu UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phương